

Số:19/2021/QĐST-HNGĐ

P, ngày 17 tháng 3 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 171/2020/TLST-HNGĐ Ngày 17 tháng 12 năm 2020 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”, giữa:

- Nguyên đơn: **Bà Trần Thị M**, sinh năm 1971; Nơi cư trú: Thôn N, xã V, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế.

- Bị đơn: **Ông Bùi Khắc M**, sinh năm 1972; Nơi cư trú: Thôn N, xã V, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 09 tháng 3 năm 2021.

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà thành ngày 09 tháng 3 năm 2021 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Bà Trần Thị M và ông Bùi Khắc M.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về con chung: Có 04 con chung, hai con là Bùi Thị Mỹ L, sinh ngày 06/6/1996; Bùi Thị Thục L, sinh ngày 12/02/1999 đã trưởng thành. Hai đương sự thống nhất giao con Bùi Thị Kim O, sinh ngày 25/12/2008 cho bà M trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; giao con Bùi Thị Hiền T, sinh ngày 28/4/2003 cho ông M tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng đến lúc trưởng thành, đủ 18 tuổi. Hai bên không cấp dưỡng nuôi con cho nhau.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai được cản trở.

- Về tài sản chung và nợ chung: Bà M và ông M tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Trần Thị M tự nguyện chịu toàn bộ án phí ly hôn là 150.000đồng, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm mà bà M đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số: 009243 ngày 15/12/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế, bà M được hoàn trả lại 150.000 đồng.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, được bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung Luật thi hành án dân sự năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự và Điều 7a, 7b Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi hành án dân sự năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh TT.Huế;
- VKSND huyện P.
- Chi cục THADS huyện P;
- Các đương sự;
- UBND xã V;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu dân án.

THẨM PHÁN

Trần Thị Thanh Vân